

Bản án số: **120/2020/DS-PT**

Ngày: 27 – 5 - 2020

V/v tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất và
nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Toàn

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLPT – DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: “*quyền sử dụng đất và nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 178/2019/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐ - PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1964 (có mặt);

2.2. Bà **Quách Tổ M**, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1944 (vắng mặt);

3.2. Chị **Bùi Thị Ngọc D**, sinh năm 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của bà T, chị D: Bà **Bùi Ngọc N**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, tổ 21, khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018, lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang).

3.3. Anh **Bùi Thanh D**, sinh năm: 1969 (có mặt);

3.4. Chị **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1977 (có mặt);

3.5. Chị **Bùi Ngọc V**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.7. Chị **Lê Tố Q**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường T, khu 1A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Bùi Văn B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn B là chị Bùi Ngọc H trình bày:

Ông B có thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16, diện tích 108,5m², tọa lạc tại Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00295 QSDĐ/1646/ QĐUB ngày 24/11/2004 cho hộ Bùi Văn B. Phần đất thuộc quyền sử dụng của ông B ở phía Tây giáp với đất của ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M. Trước đây ông cất nhà có chừa ra phần đất giáp với ông Đ và bà M khoảng 01m để làm lối đi ra phía sau nhà và trên phần đất của ông Đ có một căn nhà cách nhà ông B khoảng 01m. Trong quá trình sử dụng, ông Đ đã lấn chiếm phần đất trên hiện nay còn khoản 0,3m. Đến tháng 7/2018 phía ông Đ cất nhà và lấn chiếm hết phần đất của ông B và ông B có khiếu

nại tới Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B. Ủy ban nhân dân thị trấn C có lập biên bản yêu cầu ông Đ dừng thi công nhưng phía ông Đ vẫn tiến hành xây dựng. Ông Đ xác định lấn sang phần đất của ông B ngang 0,3m và dài khoảng 18m và trên phần không gian, phía ông Đ, bà M lợp tôn lán không gian của ông B khoản 0,15m tính từ vách tường nhà của ông Đ. Ngoài ra phía ông Đ và bà M còn xả nước mưa văng sang nhà của ông B làm ảnh hưởng đến nhà của ông B.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà M phải tháo dỡ, di dời phần tường, đà, mái tôn nhà trả lại phần đất và không gian lán chiếm cho ông B ngang 0,3m và dài khoảng 18m và có biện pháp khắc phục không để nước mưa văng sang nhà của ông B ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, ông B chỉ yêu cầu ông Đ và bà M phải tháo dỡ, di dời phần tường, đà, mái tôn nhà trả lại phần đất và không gian lán chiếm theo kết quả đo đạc thực tế.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông có thửa đất 146, tờ bản đồ 16, diện tích 99,3m², tọa lạc tại số B, đường, tổ 14, khu 2, thị trấn, huyện B do ông và bà M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02154 ngày 07/02/2014. Phần đất của ông nằm liền kề với phần đất của ông Bùi Văn B ở phía Đông. Vào năm 2018 ông có xây nhà và cất trên phần đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có lấn chiếm phần đất của ông B. Qua đo đạc thực tế ông mới biết việc ông cất nhà có lấn một phần đất của ông B. Tại phiên tòa ông Đ cũng đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B, đồng ý tháo dỡ phần mái tôn lán chiếm không gian đất và phần mái tôn chõng lán qua mái nhà của ông B, đồng thời khắc phục không cho nước từ mái nhà của ông tràn qua nhà ông B. Riêng đôi với phần đất mà ông cất nhà lấn chiếm ông đồng ý bồi hoàn giá trị vì hiện nay đã cất nhà kiên cố nếu đập bỏ sẽ ảnh hưởng đến tòa bộ kết cấu ngôi nhà.

Bị đơn bà Quách Tố M trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đ chồng của bà và bà cũng không có bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông Đ cha của anh và anh cũng không có bổ sung gì.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và chị Bùi Thị Ngọc D là bà Bùi Ngọc N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chị H đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông B và bà cũng không có bổ sung gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 09/5/2019 bà trình bày: Trước đây, bà có chuyển nhượng của ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M phần đất diện tích khoảng 25m², hai bên có làm giấy tay nhưng bà đã làm thất lạc. Hiện nay bà vẫn chưa làm thủ tục tách bộ phận đất trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B với ông Đ và bà M, bà không có ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2019/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B.

2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M :

- Phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm với diện tích $0,8\text{m}^2$ có giá là 6.400.000 đồng cho ông Bùi Văn B.

- Phải tháo dỡ phần mái tôn lấn chiếm không gian đất và phần mái tôn nhà của ông Đường chồng lấn qua phần mái tôn nhà của ông B có kích thước như sau:

Phần mái tôn lấn chiếm không gian có diện tích là $0,9\text{m}^2$ và phần mái tôn chồng lấn có diện tích $0,3\text{m}^2$ (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 03/9/2019 được thể hiện là T- 5 và T- 7) có kích thước như sau: Chiều ngang phía trước tính từ mé tường bên ngoài nhà ông Đ qua phần đất ông B chiều ngang là 0,08m; chiều ngang phía sau tính từ vách nhà sau ông B có chiều ngang là 0,07m và chiều dài giáp phần đất của ông B là 14,29m; chiều dài giáp phần vách tường nhà ông Đ là 14,30m.

- Phải khắc phục không cho nước mưa từ ống thoát nước mưa nhà của ông Đ và bà M tràn sang nhà của ông B.

- Ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M phải hoàn trả chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá phần đất tranh chấp cho ông Bùi Văn B với số tiền 3.400.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục giao cho ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M quản lý, sử dụng phần đất với diện tích là $0,8\text{m}^2$, nằm trong thửa số 147, tờ bản đồ số 16, diện tích $108,5\text{m}^2$, tọa lạc tại: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 107 thể hiện là T-4 và T- 6), do ông B đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban Nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00295 QSDĐ/1646/ QĐUB ngày 24/11/2004 có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất ông Bùi Văn B dài 16,43m;

+ Phía Tây giáp phần đất của ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M dài 16,43m;

+ Phía Nam giáp đường Phạm Ngũ Lão ngang 0,08m;

+ Phía Bắc giáp phần đất của ông B.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 17 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn Bùi Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu buộc ông Lê Văn Đ và bà Quách Tổ M phải tháo dỡ phần tường nhà xây dựng trên phần đất lấn chiếm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Phía ông Đ, bà M thừa nhận có lấn 0,8m² đất thuộc quyền sử dụng của hộ Bùi Văn B nhưng việc tháo dỡ bức tường gắn liền với căn nhà kiên cố sẽ làm ảnh hưởng tới toàn bộ kết cấu căn nhà và gây ra thiệt hại lớn hơn giá trị phần đất lấn chiếm. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các bên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn B, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Bùi Văn B nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, đây là vụ án về “tranh chấp quyền sử dụng đất, nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa”. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đúng với quy định tại Khoản 2, Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Ông Bùi Văn B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông, buộc ông Lê Văn Đ và bà Quách Tổ M phải tháo dỡ phần tường nhà xây dựng trên phần đất lấn chiếm. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa, các bên cùng thống nhất, ông Lê Văn Đ và bà Quách Tổ M xây nhà lấn qua phần đất thửa 147 thuộc quyền sử dụng của ông B với diện tích 0,8m², tại Số A,

đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Ông Đ, bà M đồng ý trả giá trị phần đất lấn chiếm. Xét thấy, Ông Đ, bà M đã xây dựng nhà kiên cố một trệt, một lầu trên phần đất 0,8m². Nếu buộc ông bà tháo dỡ bức tường trả đất sẽ ảnh hưởng tới toàn bộ kết cấu căn nhà và gây thiệt hại lớn hơn rất nhiều so với giá trị phần đất lấn chiếm. Đồng thời, diện tích đất lấn chiếm không nhiều, có chiều rộng về hướng Nam là 0,08m. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả giá trị phần đất lấn chiếm = 6.400.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông B không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá phần đất tranh chấp là không đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 vì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là một loại chi phí tố tụng khác mà nghĩa vụ chịu chi phí này được quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không phải là một loại tranh chấp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự mà việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu này thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, nguyên đơn có hai yêu cầu khởi kiện, hai yêu cầu này thuộc hai quan hệ pháp luật khác nhau, đều được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với cả hai quan hệ này: án phí có giá ngạch đối với số tiền 6.400.000 đồng và án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu “nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn B. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 178/2019/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B.
2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Quách Tô M:

- Phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm với diện tích 0,8m² có giá là 6.400.000 đồng 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) cho ông Bùi Văn B.

- Phải tháo dỡ phần mái tôn lấn chiếm không gian đất và phần mái tôn nhà của ông Đ chồng lấn qua phần mái tôn nhà của ông B có kích thước như sau:

Phần mái tôn lấn chiếm không gian có diện tích là $0,9m^2$ và phần mái tôn chồng lấn có diện tích $0,3m^2$ (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 03/9/2019 được thể hiện là T- 5 và T- 7) có kích thước như sau: Chiều ngang phía trước tính từ mí tường bên ngoài nhà ông Đ qua phần đất ông B chiều ngang là 0,08m; chiều ngang phía sau tính từ vách nhà sau ông B có chiều ngang là 0,07m và chiều dài giáp phần đất của ông B là 14,29m; chiều dài giáp phần vách tường nhà ông Đ là 14,30m.

- Phải khắc phục không cho nước mưa từ ống thoát nước mưa nhà của ông Đ và bà M tràn sang nhà của ông B.

- Ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M phải hoàn trả chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá phần đất tranh chấp cho ông Bùi Văn B với số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tiếp tục giao cho ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M quản lý, sử dụng phần đất với diện tích là $0,8m^2$, nằm trong thửa số 147, tờ bản đồ số 16, diện tích 108,5 m^2 , tọa lạc tại: Số A, đường P, tổ 14, khu 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 107 thể hiện là T-4 và T- 6), do ông B đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban Nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00295 QSDĐ/1646/QĐUB ngày 24/11/2004 có vị trí như sau:

- + Phía Đông giáp phần đất ông Bùi Văn B dài 16,43m;
- + Phía Tây giáp phần đất của ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M dài 16,43m;
- + Phía Nam giáp đường Phạm Ngũ Lão ngang 0,08m;
- + Phía Bắc giáp phần đất của ông B.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Lê Văn Đ và bà Quách Tố M có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002486 ngày 17/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho ông Bùi Văn B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 09505 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Ông Lê Văn Đ và Bà Quách Tô M phải chịu 620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND Tỉnh Tiền Giang.
- TAND huyện B.
- Chi cục THA DS huyện B.
- Đương sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương

